

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, TUYỂN CHỌN GIỐNG HOA LAY ON ĐỎ 09 TẠI MIỀN BẮC VIỆT NAM

Trịnh Khắc Quang¹, Đặng Văn Đông¹, Lê Thị Thu Hương²

TÓM TẮT

Để tìm ra được giống hoa lay on có triển vọng, phù hợp với điều kiện khí hậu miền Bắc Việt Nam, từ năm 2005 Viện nghiên cứu Rau quả đã tiến hành nhập nội và trồng thử nghiệm 9 giống hoa lay on tại Gia Lâm – Hà Nội. Kết quả đã lựa chọn được giống hoa lay on Đỏ 09 có các ưu điểm sau: cây sinh trưởng, phát triển tốt (chiều cao cây đạt trên 120cm), chất lượng hoa cao (đạt 13 hoa/cành), màu sắc hoa đẹp, có khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh hại, đặc biệt là bệnh khô đầu lá và là giống được thị trường tiêu dùng chấp nhận cao nhất. Giống hoa lay on Đỏ 09 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là giống sản xuất thử vào tháng 6/2009.

Từ khóa: *Hoa lay on Đỏ 09; trồng thử nghiệm, hiệu quả kinh tế; giống sản xuất thử.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lay on, tên khoa học là *Gladiolus communis* Lin là loại hoa đẹp, bền, nhiều màu sắc, cành gọn nhẹ dễ vận chuyển đi xa và là một trong những loại hoa được sử dụng nhiều trong các dịp ngày lễ, tết (Nguyễn Xuân Linh, 2000) [1]. Tuy nhiên, trong những năm qua, công tác nghiên cứu giống hoa lay on chưa được quan tâm, chú ý nhiều, bộ giống hoa lay on còn rất nghèo nàn, chủng loại giống còn rất hạn chế, người dân chủ yếu trồng những giống địa phương có năng suất thấp, chất lượng không cao, vì vậy hiệu quả sản xuất thấp (Đặng Văn Đông, 2000)[2],[3]. Xuất phát từ thực tế trên, trong năm 2005, chúng tôi đã tiến hành thực hiện đề tài: *Nghiên cứu, tuyển chọn giống hoa lay on tại miền Bắc Việt Nam* với mục đích chọn ra giống có ưu điểm: sinh trưởng, phát triển tốt; chất lượng hoa cao, màu sắc đẹp phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng; có khả năng chống chịu tốt với các điều kiện bất thuận, cho thu nhập cao và thích ứng với các vùng sinh thái khác nhau ở miền Bắc Việt Nam.

II. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

Bao gồm 9 giống hoa lay on nhập nội từ Hà Lan, được đánh ký hiệu giống lần lượt là: LOV1, LOV2, LOV3, LOV4, LOV5, LOV6, LOV7, LOV8, LOV9.

2. Nội dung nghiên cứu

- Nghiên cứu, đánh giá đặc điểm hình thái giống, khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế của các giống nhập nội

- So sánh, đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển, năng suất chất lượng của giống triển vọng với giống lay on Đỏ tươi (giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử năm 2004)

- Thử nghiệm trên diện rộng giống hoa lay on triển vọng

3. Phương pháp nghiên cứu

* Các bước tiến hành:

- Năm 2005, 2006: nhập nội, đánh giá so sánh 9 giống hoa lay on để chọn ra giống lay on triển vọng

- Năm 2007: Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản giống lay on triển vọng và so sánh với giống lay on Đỏ tươi

- Năm 2008: Khảo nghiệm sản xuất giống lay on triển vọng

* Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Thí nghiệm đánh giá so sánh giống: Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô thí nghiệm là 10m². Tiến hành theo dõi 10 cây/ô thí nghiệm theo phương pháp đường chéo 5 điểm. Thời điểm bố trí 10/2005; 10/2006. Địa điểm bố trí: tại Viện Nghiên cứu Rau quả

- Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản: Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô thí nghiệm là 10m². Tiến hành theo dõi 10 cây/ô thí nghiệm theo phương

¹ TS. Viện Nghiên cứu Rau quả

² Viện Nghiên cứu Rau quả

pháp đường chéo 5 điểm. Thời điểm bố trí 10/2007. Địa điểm bố trí: tại Viện Nghiên cứu Rau quả

- Thí nghiệm khảo nghiệm sản xuất: Bố trí tuần tự không nhắc lại. Thời điểm bố trí 10/2008. Địa điểm bố trí tại các tỉnh Hải Phòng, Quảng Ninh, Sơn La

* *Các chỉ tiêu theo dõi*: chỉ tiêu về các đặc điểm hình thái (thân, lá, hoa), chỉ tiêu về sinh trưởng (các thời kỳ sinh trưởng, chiều cao cây, số lá, tỷ lệ trở bóng), chỉ tiêu về chất lượng hoa (chiều dài bông, số hoa trên cụm, đường kính cổ bông, độ bền hoa cắm), chỉ tiêu về năng suất (tổng chi, tổng chi, lãi thuần)

* *Phương pháp xử lý số liệu*: Số liệu được xử lý bằng chương trình IRRISTAT

- Quy trình kỹ thuật: Áp dụng QTKT trồng, chăm sóc cây hoa layon tạm thời của Viện Nghiên cứu Rau quả

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Kết quả đánh giá, so sánh giống

a) Đặc điểm hình thái các giống lay on

Quan sát một số đặc điểm hình thái của các giống trong thí nghiệm chúng tôi thu được kết quả ở bảng sau:

Bảng 1: Một số đặc điểm hình thái của các giống lay on

Giống	Thân		Lá			Hoa	
	Loại hình thân giả	Màu sắc thân	Phiến lá	Thế lá	Màu sắc	Mép cánh hoa	Màu sắc
LOV1	Cao	Xanh	Dày	Xiên gọn	Xanh	cánh trơn	Phấn hồng
LOV2	TB	Xanh	Mỏng	Ngangxoè	Xanh	cánh trơn	Vàng
LOV3	Cao	Xanh đậm	Dày	Xiên gọn	Xanh đậm	cánh trơn	Đỏ tươi
LOV4	Thấp	Xanh đậm	TB	Xiên gọn	Xanh đậm	cánh xếp nếp	Viền đỏ, vàng
LOV5	TB	Xanh đậm	Dày	Xiên gọn	Xanh đậm	cánh trơn	Đỏ thẫm
LOV6	Cao	Xanh đậm	Dày	Xiên gọn	Xanh đậm	cánh nhẵn	Hồng cánh sen
LOV7	Cao	Xanh đậm	Dày	Ngangxoè	Xanh đậm	cánh nhẵn	Tím cắm
LOV8	Cao	Xanh đậm	Dày	Xiên gọn	Xanh đậm	cánh trơn	Đỏ thẫm
LOV9	Thấp	Xanh nhạt	TB	Xiên gọn	Xanh nhạt	cánh trơn	Xanh nhạt

Qua kết quả bảng 1, cho thấy:

Về loại hình thân: Các giống trong thí nghiệm thuộc 3 loại hình thân: dạng thân cao (gồm 5 giống LOV1, LOV3, LOV6, LOV7, LOV8), dạng thân thấp (gồm 2 giống LOV4 và LOV9), dạng thân trung bình (gồm 2 giống LOV2, LOV5).

Về dạng thế lá: Các giống đưa vào nghiên cứu có 2 dạng chính là ngang xoè và xiên gọn. 2 giống: LOV2, LOV7 thuộc dạng ngang xoè, 7 giống còn lại thuộc dạng xiên gọn. Các giống có bộ lá xiên gọn thường chịu thâm canh và có thể trồng dày hơn các giống có bộ lá ngang xoè [4].

Về hoa: Trong tập đoàn 9 giống nhập nội có màu sắc đa dạng khác nhau và màu đều mới lạ, trong đó nổi bật lên là các giống có màu đỏ (LOV3, LOV5, LOV8), màu phấn hồng (LOV1) và màu cánh sen (LOV6).

b) Thời gian sinh trưởng, phát triển của các giống lay on

Theo dõi các thời kỳ sinh trưởng, phát triển của các giống, chúng tôi thu được kết quả ở bảng sau:

Bảng 2: Thời gian sinh trưởng, phát triển của các giống lay on

ĐVT: ngày

TT	Giống	Từ trồng - nảy mầm		Từ trồng - trở bông		Từ trồng - thu hoạch	
		10%	75%	10%	75%	10%	75%
1	LOV1	4,2	6,3	52,8	57,6	68,2	72,5
2	LOV2	5,6	7,2	47,4	53,6	58,5	66,7
3	LOV3	4,9	6,1	68,7	72,5	81,2	85,5
4	LOV4	4,8	6,3	41,7	48,5	54,6	60,5
5	LOV5	4,5	6,2	54,6	60,0	73,6	80,2
6	LOV6	4,5	6,4	52,8	58,6	68,7	75,7
7	LOV7	4,5	6,3	52,6	58,5	68,2	73,5
8	LOV8	4,6	6,2	53,6	60,5	69,2	73,8
9	LOV9	5,7	7,2	52,0	59,6	65,7	68,5

Qua dẫn liệu bảng 2, chúng tôi chia ra 3 nhóm sau: giống: LOV5 (80,2 ngày) và giống LOV3 (85,5 ngày).

+ Nhóm có thời gian sinh trưởng ngắn là các giống: LOV2, LOV4, LOV9 (thời gian từ trồng đến thu hoạch dao động từ 60,5 – 68,5 ngày).

+ Nhóm có thời gian sinh trưởng trung bình là các giống còn lại (thời gian sinh trưởng từ trồng đến thu hoạch dao động từ 72,5 – 75,7 ngày).

+ Nhóm có thời gian sinh trưởng dài là gồm 2

c) Các đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các giống lay on

Theo dõi các chỉ tiêu: tỷ lệ trổ bông, chiều cao cây, số lá trên cây, bề rộng tán ở giai đoạn thu hoạch chúng tôi thu được kết quả như sau:

- Tỷ lệ trổ bông của các giống LOV1, LOV3, LOV5, LOV6 đạt tương đối cao (tỷ lệ trổ bông đạt trên 90%). Tiếp đến là các giống LOV4, LOV7 (89,2%), LOV8 (87,4%), LOV2 (86,2%) và thấp nhất là giống LOV9 (75,7%)

- Chiều cao cây: Các giống thuộc dạng cao cây: giống LOV3, LOV6, LOV7, LOV8 có chiều cao cây khi thu hoạch đạt trên 100cm, trong đó giống LOV3 đạt cao nhất (130,6 cm), tiếp đến là giống LOV6 (120,0cm). Hai giống LOV2 và LOV4 thuộc dạng hình thấp cây, với chiều cao cây trung bình đạt 78,2 - 80,2 cm. Các giống còn lại thuộc dạng cây trung bình có chiều cao cây dao động từ 90,2 – 98,3 cm.

- Số lá/cây có mối tương quan với chiều cao cây. Những giống có chiều cao cây cao cũng chính là những giống có số lá/cây nhiều và ngược lại. Hai giống LOV3, LOV6 cũng chính là những giống có số lá/cây đạt cao nhất (8,3 – 8,8lá/cây).

d) Các chỉ tiêu về chất lượng hoa của các giống lay on

Đánh giá các chỉ tiêu chất lượng hoa của các giống, chúng tôi thu được số liệu ở bảng sau:

Đánh giá tổng hợp các chỉ tiêu chất lượng hoa (chiều dài bông, số hoa trên cụm, đường kính cổ bông, đường kính hoa, tỷ lệ hoa mù, độ bền cắm lọ) cho thấy giống LOV3 có chất lượng hoa cao nhất, tiếp đến là giống LOV6,

LOV7, LOV8 và đạt thấp nhất ở giống LOV9. Các giống còn lại có chất lượng hoa đạt tương đương nhau.

e) Thành phần sâu bệnh hại trên các giống lay on

Kết quả đánh giá sâu, bệnh hại được trình bày ở bảng 5.

Bảng 3: Một số đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các giống lay on

TT	Giống	Tỷ lệ trổ bông (%)	Chiều cao cây (cm)	Số lá (lá)	Bề rộng tán (cm)
1	LOV1	93,4	98,3	7,2	21,7
2	LOV2	86,2	90,2	6,8	26,6
3	LOV3	97,8	130,6	8,8	22,2
4	LOV4	89,2	80,5	6,0	21,6
5	LOV5	92,7	93,7	7,0	21,4
6	LOV6	98,8	120,0	8,3	20,2
7	LOV7	89,2	108,7	7,3	27,3
8	LOV8	87,4	100,5	6,2	20,6
9	LOV9	75,7	80,2	6,2	20,7
CV%			5,8	3,25	
LSD 0,05			21,34	2,04	

Bảng 4: Chất lượng hoa của các giống lay on

TT	Giống	Chiều dài bông (cm)	Số hoa trên cụm (hoa)	Đường kính cổ bông (cm)	Đường kính hoa (cm)	Tỷ lệ hoa mù (%)	Độ bền cắm lọ (ngày)
1	LOV1	98,3	9,8	0,9	10,4	3,8	6,9
2	LOV2	90,2	8,5	0,8	9,6	8,7	5,9
3	LOV3	130,6	13,8	1,4	11,5	0,0	8,0
4	LOV4	80,5	9,8	0,8	9,8	6,8	6,5
5	LOV5	93,7	12,5	0,9	10,7	5,8	7,0
6	LOV6						
7	LOV7	108,7	11,8	0,9	10,5	5,2	6,5
8	LOV8	100,5	11,5	0,9	10,3	6,4	6,2
9	LOV9	80,2	8,7	0,9	9,7	12,8	6,0
CV%		5,8	7,5		8,2		
LSD 0,05		21,34	3,04		3,25		

Bảng 5: Tình hình nhiễm sâu, bệnh hại của các giống lay on

ĐVT: cấp

TT	Loại sâu bệnh BP hại	Sâu xanh	Sâu khoang	Sâu xám	Héo vàng	Khô vằn	Đốm nâu	Khô đầu lá
		Lá, nụ hoa	Lá	Mầm củ cây non	Bẹ lá thân dưới mặt đất	Bẹ lá thân tiếp giáp đất	Lá	Lá
1	LOV1	3	1	1	1	1	1	7
2	LOV2	2	1	1	5	1	3	5
3	LOV3	1	1	1	1	1	1	1
4	LOV4	2	2	1	1	1	3	5
5	LOV5	3	1	1	5	1	3	5
6	LOV6	3	1	1	3	1	1	5
7	LOV7	3	1	1	3	3	3	5
8	LOV8	3	1	1	5	3	3	7
9	LOV9	3	1	1	1	1	3	7

Ghi chú: - Đối với sâu hại: Cấp 1: Nhẹ (xuất hiện rải rác). Cấp 2: Trung bình (phân bố dưới 1/3 cây). Cấp 3: Nặng (phân bố trên 1/3 cây). - Đối với bệnh hại: Cấp 1: < 1% diện tích lá. Cấp 3: 1 – 5% diện tích lá. Cấp 5: >5 – 25% diện tích lá. Cấp 7: 25 – 50% diện tích lá. Cấp 9: >50% diện tích lá

Kết quả bảng 5 cho thấy: hầu hết các giống trên đều bị một số loại sâu, bệnh hại với mức độ hại khác nhau từ cấp nhẹ đến cấp nặng (đối với sâu) và từ cấp thấp đến cấp cao (đối với bệnh). So sánh về khả năng chống chịu bệnh giữa 9 giống trên thì thấy giống LOV3 có khả năng chống chịu tốt nhất (đặc biệt là chống chịu được bệnh khô đầu lá – đây là loại bệnh sinh lý, xuất hiện ở những nơi trồng gần các khu

công nghiệp, nơi có hàm lượng khí Flo trong không khí cao (Đặng Văn Đông, Đỗ Thị Lưu, 2000)[3], trong khi đó 8 giống còn lại đều bị hại từ cấp 5 đến cấp 7)

đ) Hiệu quả kinh tế của giống hoa lay on (tính cho 1 sào 360m²)

Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế được trình bày ở bảng sau:

Bảng 6: Hiệu quả kinh tế của các giống trong lay on

TT	Tên giống	Tỷ lệ số cây thu/cây trồng (%)	Số cây thu (cây)	Giá bán TB/cành (đồng)	Tổng thu (1000đ)	Tổng chi (1000đ)	Lãi thuần (1.000đ)
1	LOV1	87,6	6.132	2.500	15.330	6.600	8.730
2	LOV2	65,7	4.599	1.300	5.978	3.800	2.178
3	LOV3	90,3	6.321	2.500	15.802	6.600	9.202
4	LOV4	70,4	4.928	1.500	7.392	3.800	3.592
5	LOV5	75,6	5.292	1.700	8.996	6.600	2.396
6	LOV6	87,3	6.111	2.200	13.445	6.600	6.845
7	LOV7	77,6	5.432	1.600	8.691	6.600	2.091
8	LOV8	83,2	5.824	1.700	9.900	6.600	3.300
9	LOV9	65,8	4.606	1.800	8.290	6.600	1.690

Ghi chú: Tổng chi = tiền giống + tiền thuốc BVTV, KTST + tiền công lao động,- Tiền giống: Các giống trắng, vàng, Song sắc giá TB 400đ/củ. Các giống còn lại giá TB 800đ/củ. Mật độ trồng: 7.000 củ/sào. Tiền thuốc BVTV tính trung bình: 500.000đ/sào/vụ 3 tháng. Tiền công lao động tính trung bình: 500.000đ/sào/vụ 3 tháng

